

Bản án số: 19/2018/HNGĐ- ST  
Ngày 30/3/2018  
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Hữu Hiệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Chuộng
2. Bà Đinh Thị Tin

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân Huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: Đội 6, thôn 3, xã H, Huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn T, xã N, Huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Đội 6, thôn 3, xã H, Huyện K, tỉnh Hải Dương

Chị T có mặt, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Lê Văn H trình bày: Chị T và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/3/2014 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh H ở đội 6, thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh chị sống hòa thuận với nhau đến khoảng tháng 3/2016 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh H không chịu khó làm ăn, mãi chơi, thường tụ tập bạn bè. Chị T đã nhiều lần trao đổi và nhờ gia đình tác động để anh H thay đổi lối sống nhưng không được. Vợ chồng

nhiều lần cãi nhau, chị T đã về nhà mẹ đẻ sống một lần, sau đó anh H đến tìm đón, hứa thay đổi nên chị T đã quay về sống với anh H. Tuy nhiên thời gian ngắn sau đó, vợ chồng lại mâu thuẫn do những nguyên nhân trước đó. Từ tháng 4/2016, chị T đi làm công nhân tại huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, anh chị không sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên khởi kiện xin ly hôn. Anh H không đồng ý ly hôn vì xác định còn tình cảm vợ chồng với chị T. Về con chung: Chị T và anh H không có con chung. Về tài sản: Chị T và anh H không có tài sản chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị T ly hôn anh H; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn H có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Văn H là bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H đăng ký kết hôn ngày 19/3/2014 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian sống chung hòa thuận, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2016 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị có khác biệt về quan điểm sống. Mặt khác do anh H chưa thực sự có trách nhiệm với gia đình, có biểu hiện mãi chơi, không tu chí làm ăn. Chị T và gia đình đã nhiều lần khen bảo anh H nhưng anh H không thay đổi. Anh H xác định còn tình cảm vợ chồng với chị T nhưng không có biện pháp nào níu kéo cuộc sống chung. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng anh H không tham gia không có lý do. Xét mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh H không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị T và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Lê Văn H.

- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001419 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Hiệu**